TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Mục tiêu

- Nắm được đặc điểm riêng của tín dụng tiêu dùng để từ đó có phương thức thích hợp
- Xác định mức cho vay, phương pháp tính điểm số, các xác định lãi và phân bổ lãi.

Tín dụng tiêu dùng?

- TDTD là tín dụng tài trợ cho chi tiêu của người tiêu dùng (cá nhân, hộ gia đình): với các chi phí về vật chất và dịch vụ (nhà cửa, đồ dùng, giáo dục, y tế, du lịch,vv…)
- Bản chất của TDTD là một khoản ứng trước

Đặc điểm của TDTD

- Quy mô món vay nhỏ, số lượng vay nhiều
- Tư cách người vay khi xét duyệt rất khó xác định
- Khả năng trả nợ của người vay biến động vì phụ thuộc vào các yếu tố như nghề nghiệp, sức khoẻ, kỹ năng,vv..
- Độ rủi ro cao so với TD sản xuất
- Chu kỳ kinh tế ảnh hưởng quyết định đến mức vay tiêu dùng.

Ý nghĩa của tín dụng tiêu dùng

- Đối với nền kinh tế: có ý nghĩa kích cầu nhằm tăng trưởng kinh tế
- Đối với khách hàng: được hưởng các tiện ích trước khi có đủ thanh khoản
- Đối với Ngân hàng: đa dạng hoá kinh doanh

Các loại tín dụng tiêu dùng

- Căn cứ vào phương thức hoàn trả
  - Tín dụng tiêu dùng trả góp
  - Tín dụng tiêu dùng phi trả góp
- Căn cứ vào cách thức thực hiện
  - Tín dụng tiêu dùng trực tiếp
  - Tín dụng tiêu dùng gián tiếp
- Căn cứ vào mục đích
  - Tín dụng tiêu dùng cư trú
  - Tín dụng tiêu dùng phi cư trú

Tín dụng tiêu dùng trực tiếp

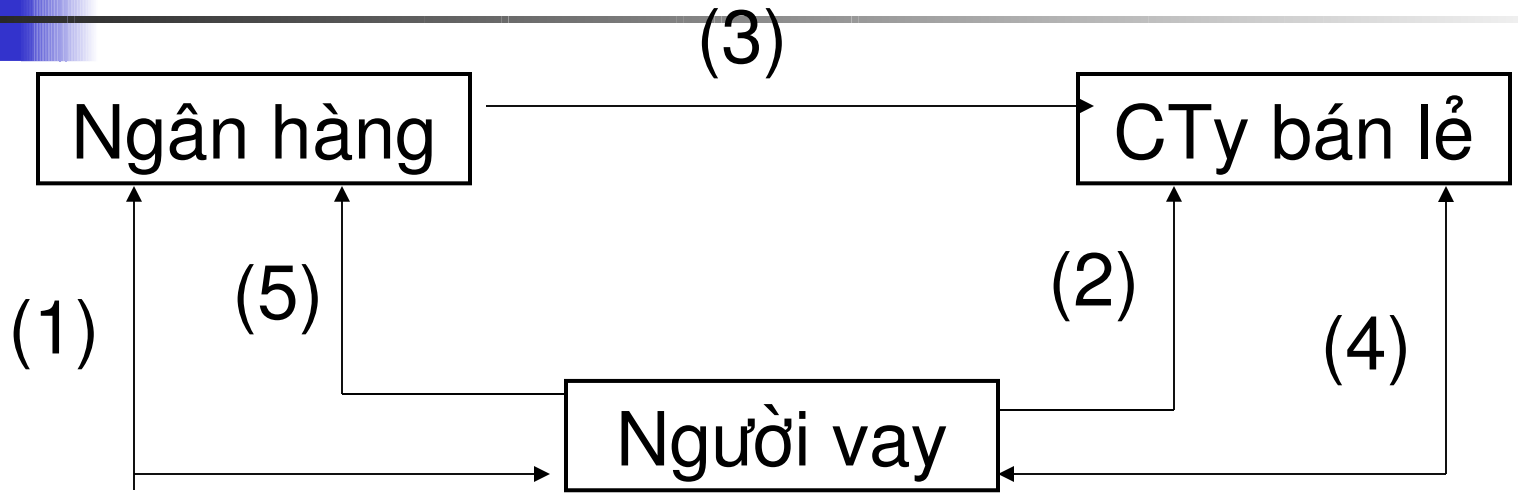

1) Ký hợp đồng vay
2) Người vay trả trước 1 phần cho Cty bán lẻ
3) Ngân hàng trả phần còn thiếu cho Cty bán lẻ
4) Cty bán lẻ giao TS cho người vay
5) Người vay thanh toán tiền cho NH

Tín dụng tiêu dùng gián tiếp

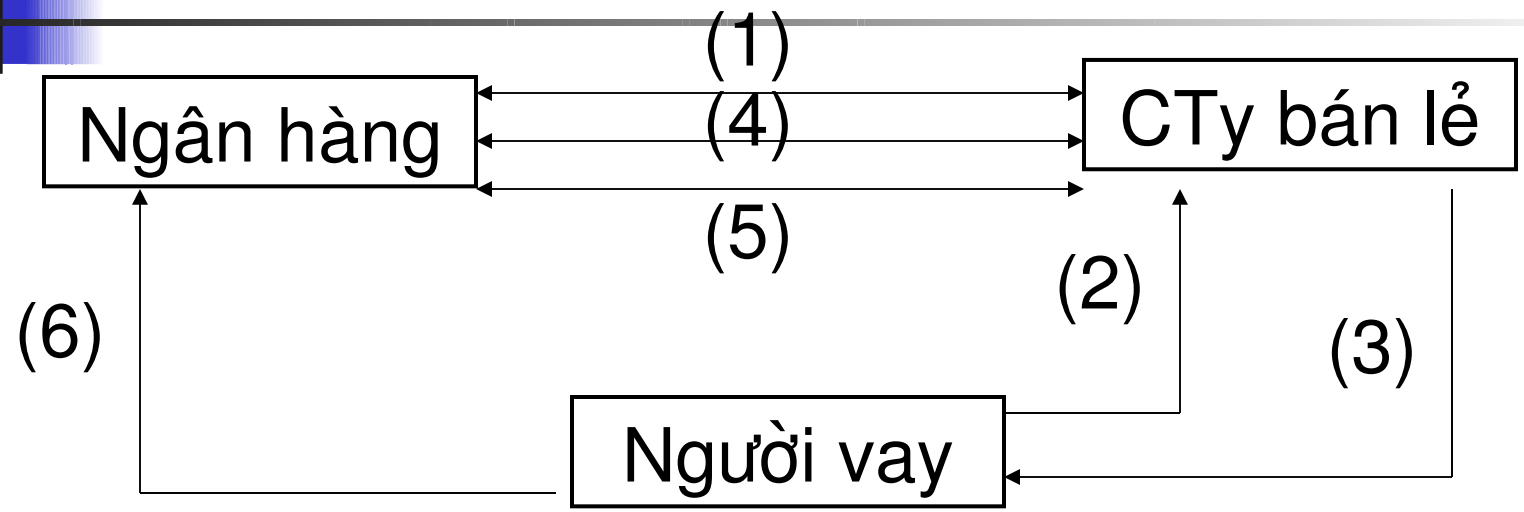

1) Ký hợp đồng mua bán nợ
2) HĐ mua bán chịu hàng hoá
3) Cty giao TS cho người vay
4) Cty bán lẻ giao bộ chứng từ bán chịu cho Nh
5) Ngân hàng thanh toán tiền cho Cty bán lẻ
6) Người vay thanh toán tiền cho NH

Kỹ thuật tín dụng tiêu dùng

- Phân tích khách hàng
- Mức cho vay
- Trả nợ

Phân tích khách hàng

- NH thường dùng phương pháp điểm số.
- Hệ thống điểm số là tập hợp các tiêu thức khác nhau, liên quan đến từng khách hàng vay tiêu dùng. Mỗi tiêu thức có một điểm số khác nhau tuỳ theo tầm quan trọng của nó trong hệ thống các tiêu thức đánh giá
- Điểm số được xây dựng trên cơ sở kết quả thống kê trong quá khứ. Biến phân tích TD gồm nhiều yếu tố thành một yếu tố: Tổng điểm của khách hàng

Hệ thống điểm phụ thuộc vào từng nước, ngân hàng, giai đoạn. Nó gồm các yếu tố như

- Độ tuổi
- Nghề nghiệp
- Tình trạng cư trú
- Tính chất nghề nghiệp
- Tình trạng gia đình,vv…

Phương pháp phân tích này có ưu điểm nhanh, lượng hoá được các yếu tố nên quyết định cho vay thống nhất. Tuy nhiên, nhược điểm:

- Thông tin chấm điểm là quá khứ, món vay vận dụng tương lai => tính chính xác kém.
- Không tính được người vay cá biệt vì điểm số được xác định theo luật số đông. => Người vay có tổng điểm cao nhưng lại là khách hàng xấu và ngược lại.
- Thông tin điểm số, các tiêu thức đôi khi phiến diện vì chỉ lấy được tiêu thức từ khách hàng, các tiêu thức mới phát sinh không đủ.
- => Để khắc phục người ta kết hợp phương pháp phán đoán (phương pháp 5C) với các HS vay biểu hiện nghi ngờ.

Mức cho vay

- NH yêu cầu người vay có một mức vốn đối ứng tham gia trong tài sản.
- Số tiền trả trước phụ thuộc các yếu tố:
  - Loại tài sản
  - Thị trường tài sản
  - Môi trường kinh tế
  - Năng lực tài chính người vay
- Mức cho vay = Giá trị TS - Mức trả trước

Trả nợ

- Người vay phải trả gốc và lãi cùng các chi phí liên quan
- Kỳ hạn nợ thường được ấn định theo tháng cho phù hợp với dòng tiền của người vay
- Số tiền thanh toán mỗi kỳ được ấn định phù hợp với dòng tiền và thường theo các cách:
  - Trả không đều
  - Trả đều
  - Trả tăng dần
  - Trả giảm dần

Cách tính lãi

- Trả đều, dùng PP tính lãi trên số dư ban đầu
- Trả tăng dần, dùng PP tính lãi dựa trên số tiền đã trả luỹ kế
- Trả giảm dần, dùng PP tính lãi trên số dư nợ giảm dần.
- Trả không đều, sau khi tính lãi trả đều, NH phân bổ lại phần lãi đã tính được, cách phổ biến là dùng quy tắc 78
  - 78 là tổng của dãy số 1+2+3+..+12. Tính cho 1 năm TC
  - Nếu 2 năm phát triển quy tắc là: 1+2+3+…+24=300
  - Nếu 6 tháng phát triển quy tắc: 1+2+3+…+6= 21.

VD: NH chấp nhận cho ông A vay mua một TS với số liệu:

- Giá TS: 10.000.000
- Khách hàng tham gia: 30%
- Thời hạn cho vay: 2 năm (24 tháng)
- Định kỳ trả nợ: tháng
- Lãi suất: 7%/năm
- Nhận tiền vay: 1/1/2009

- Số tiền NH cho vay: 10000000 x 70% = 7.000.000
- Tổng lãi phải trả theo phương pháp gộp: 7.000.000 x 7% x 2 = 980.000
- Lãi được phân bổ theo nguyên tắc 78 như sau:

Năm	Tỷ lệ theo quy tắc (%)	Lãi phải trả
2009	(300 – 78)/300 = 74	725.200
2010	78/300 = 26	254.800

Chú ý: Khi tính lãi theo PP gộp: Thực tê dự nợ đã giảm sau mỗi lần thu ở các kỳ, mà lãi vẫn tính trên số dư cố định ban đầu. Do vậy lãi hiệu dụng (lãi thực) NH thực hiện là:

$$\text{Laõi hieäu duïng} = \frac{2 \times m \times L}{V(n+1)}$$

Chú ý: Khi tính lãi theo PP gộp: Thực tế dự nợ đã giảm sau mỗi lần thu ở các kỳ, mà lãi vẫn tính trên số dư cố định ban đầu. Do vậy lãi hiệu dụng (lãi thực) NH thực hiện là

$$\text{Lãi hiệu dụng} = \frac{2 \times m \times L}{V(n+1)}$$

- m: là số kỳ thanh toán trong năm
- L: tổng lãi phải trả
- V: Số dư nợ ban đầu (nợ gốc)
- n: Số kỳ hạn của món vay
- Ví dụ: Lãi hiệu dụng =(2x12x980)/(7000x(24+1))=13,44%
- Như vậy người vay phải trả thự tế là 13,44%